

BÀI 2

GỖ CỬA TRÁI TIM (12 tiết)

(Đọc và Tiếng Việt: 8 tiết, Viết: 3 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố sự sự và miêu tả trong thơ.
- Nhận biết được ẩn dụ và các kiểu ẩn dụ.
- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.
- Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo án, bài giảng Powerpoint, máy tính, tranh ảnh minh họa về tác giả, tác phẩm.
- Đoạn phim tư liệu, clip;
- Phiếu học tập cá nhân, phiếu thảo luận nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1. CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI (3 tiết) (Xuân Quỳnh)

HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu *Giới thiệu bài học* và khám phá *Tri thức Ngữ văn*

Mục tiêu:

- Hiểu được nội dung bài học xoay quanh chủ đề tình cảm gia đình, cảm nhận được những giá trị nhân bản của tình yêu thương, có ý thức vun đắp hạnh phúc gia đình.
- Nhận diện được đặc trưng cơ bản của thơ là cảm xúc; đặc điểm về thể thơ, ngôn ngữ, yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ,... và biện pháp tu từ ẩn dụ.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
1. Tìm hiểu Giới thiệu bài học – Cho HS đọc câu ca dao trong lời đề từ và nêu cảm nhận. – Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung chính và thể loại chính của VB đọc.	– HS nêu cảm nhận về ý nghĩa của câu ca dao trong lời đề từ. – HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> trong SGK. – HS suy nghĩ và nêu hiểu biết về nội dung chính trong chủ đề bài học.	Chỉ rõ 2 nội dung chính của bài học: – Các VB đọc hiểu có nội dung xoay quanh chủ đề tình cảm gia đình, giúp cảm nhận được những giá trị nhân bản của tình yêu thương, có ý thức vun đắp hạnh phúc gia đình. – Giới thiệu thể loại chính của VB đọc hiểu (thơ).
2. Khám phá Tri thức Ngữ văn – Hướng dẫn HS chia sẻ những lưu ý khi đọc một bài thơ và nhận diện một số đặc điểm của thơ. – Nhận xét, thống nhất ý kiến.	– HS kể tên/ đọc 1 bài thơ. – HS chia sẻ những lưu ý khi đọc một bài thơ. – HS đọc phần <i>Tri thức Ngữ văn</i> trong SGK về một số đặc điểm của thơ.	– Nêu được các yếu tố trong thơ như vần, nhịp, ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... – Nhận diện được một số đặc điểm của thơ: thể thơ; ngôn ngữ thơ; biện pháp tu từ; nội dung chủ yếu; yếu tố tự sự, miêu tả trong thơ,...

HOẠT ĐỘNG 2: Khởi động – Trước khi đọc**Mục tiêu:**

- Nêu được một số truyện cổ dân gian giải thích nguồn gốc loài người; đọc được đoạn thơ, bài thơ viết về tình cảm gia đình.
- Tạo tâm thế tích cực, hứng thú để tiếp nhận bài học.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
– Hướng dẫn HS tìm hiểu nguồn gốc loài người trong văn học dân gian. – Cho HS xem trích đoạn phim khoa học về nguồn gốc loài người. (http://brt.vn/chuyen-de/chuong-trinh-thu-qua-ve-tinh/phim-khoa-hoc/201908/phim-khoa-hoc-nguon-goc-loai-nguoi-8124300/) – Yêu cầu HS đọc thơ về tình cảm gia đình.	– Thảo luận nhóm đôi câu hỏi 1, SGK tr.39: + Nêu tên một truyện kể về nguồn gốc loài người trong văn học dân gian. + Trong truyện kể đó, sự ra đời của loài người có gì kì lạ? – HS xem trích đoạn phim và nêu suy nghĩ về: + Cách nhìn từ góc độ khoa học về nguồn gốc loài người. + Con người trong mối quan hệ với gia đình. – HS đọc bài thơ/ đoạn thơ viết về tình cảm gia đình.	– Kể được tên một số truyện như: <i>Quả bầu mẹ</i> (Truyện dân gian Việt Nam), <i>Thần Pờ-rô-mê-tê sáng tạo ra con người</i> (Hy Lạp), <i>Nữ Oa sinh ra loài người</i> (Trung Quốc),... – Hiểu được điều kì lạ là con người do thần (lực lượng siêu nhiên) sinh ra. – Nêu được suy nghĩ về nguồn gốc loài người, về cuộc sống của con người trong các mối quan hệ gia đình, cộng đồng,... – Đọc được một số bài thơ như <i>Mẹ ốm</i> (Trần Đăng Khoa), <i>Mẹ và quả</i> (Nguyễn Khoa Điềm), <i>Những cánh buồm</i> (Hoàng Trung Thông),...

HOẠT ĐỘNG 3: Đọc văn bản**Mục tiêu:**

- Đọc đúng nhịp, diễn cảm bài thơ.
- Nhận diện được số tiếng, số dòng, cách gieo vần của bài thơ.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
1. Đọc văn bản – GV hướng dẫn HS tìm hiểu chiến lược đọc. – GV đọc mẫu đoạn 1. – Cho HS đọc nối tiếp đoạn.	– HS nêu chiến lược đọc. – Đọc thầm khi GV đọc mẫu. – 4 HS đọc nối tiếp đoạn.	– Nêu được chiến lược đọc: <i>hình dung, theo dõi.</i> – Đọc đúng nhịp, diễn cảm.

2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm – Hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả Xuân Quỳnh. – Hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm của bài thơ (<i>câu hỏi 1, SGK tr.43</i>).	– HS đọc giới thiệu về tác giả và tóm tắt đặc điểm thơ Xuân Quỳnh, những tác phẩm viết cho thiếu nhi của bà. – HS thảo luận nhóm 4, hoàn thành <i>Phiếu học tập số 1</i>.	– Giới thiệu được một số nét cơ bản về Xuân Quỳnh: + Tác phẩm viết cho thiếu nhi của Xuân Quỳnh: hình thức giản dị, ngôn ngữ trong trẻo, giàu tình yêu thương. + Một số tập thơ: <i>Lời ru trên mặt đất, Bầu trời trong quả trứng,...</i> – Điền được các nội dung cơ bản sau vào phiếu học tập: + 5 tiếng/ dòng thơ, số dòng không hạn định và được sắp xếp theo khổ. + Gieo vần chân (liền hoặc cách). + Nhịp: 3/2 hoặc 2/3 → tạo âm điệu nhịp nhàng. + Mượn yếu tố tự sự để bộc lộ tình cảm, cảm xúc.																				
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 <table><tr><td colspan="4"><i>Chuyện cổ tích về loài người là một bài thơ:</i></td></tr><tr><td><i>Số tiếng, dòng thơ</i></td><td><i>Vần</i></td><td><i>Nhịp</i></td><td><i>Yếu tố tự sự</i></td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>			<i>Chuyện cổ tích về loài người là một bài thơ:</i>				<i>Số tiếng, dòng thơ</i>	<i>Vần</i>	<i>Nhịp</i>	<i>Yếu tố tự sự</i>												
<i>Chuyện cổ tích về loài người là một bài thơ:</i>																						
<i>Số tiếng, dòng thơ</i>	<i>Vần</i>	<i>Nhịp</i>	<i>Yếu tố tự sự</i>																			
.....																						
.....																						
.....																						

HOẠT ĐỘNG 4. Khám phá văn bản

Mục tiêu:

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.
- Hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp: tình cảm, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
1. Tìm hiểu sự thay đổi của thế giới khi trẻ em sinh ra – Hướng dẫn HS thảo luận nhóm, đối chiếu hình ảnh thế giới trước và sau khi trẻ em sinh ra.	– Đọc câu hỏi 2, SGK tr.40. – HS thảo luận nhóm đôi: + Tìm từ ngữ miêu tả thế giới trước khi trẻ em sinh ra. + Liệt kê sự vật, hiện tượng xuất hiện trên trái đất khi trẻ em sinh ra.	– Nêu được các từ ngữ miêu tả thế giới trước và sau khi trẻ em sinh ra:

- GV hướng dẫn HS suy nghĩ, nhận xét về sự thay đổi đó của thế giới: + Sự thay đổi đó bắt nguồn từ đâu? + Các sự vật, hiện tượng xuất hiện để làm gì?	+ Lí giải cụ thể ý nghĩa xuất hiện của mỗi sự vật, hiện tượng đó. - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS chia sẻ suy nghĩ của mình.	<table><tr><th>Trước</th><th>Sau</th></tr><tr><td>trái đất trụi trần, không cây cỏ, không có mặt trời, chỉ có màu đen,...</td><td> - Mặt trời nhô cao cho trẻ nhìn. - Màu sắc và cây cỏ lá hoa... - Chim... - Sông, biển... - Đám mây... - Con đường... - Mẹ, bà, bố... - Chũ, ghế, bàn, lớp trưởng và thầy giáo... </td></tr><tr><td>hoang vu, tăm tối, buồn tẻ.</td><td>tươi sáng, đẹp đẽ, rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu,...</td></tr></table>	Trước	Sau	trái đất trụi trần, không cây cỏ, không có mặt trời, chỉ có màu đen,...	- Mặt trời nhô cao cho trẻ nhìn. - Màu sắc và cây cỏ lá hoa... - Chim... - Sông, biển... - Đám mây... - Con đường... - Mẹ, bà, bố... - Chũ, ghế, bàn, lớp trưởng và thầy giáo...	hoang vu, tăm tối, buồn tẻ.	tươi sáng, đẹp đẽ, rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu,...
		Trước	Sau					
trái đất trụi trần, không cây cỏ, không có mặt trời, chỉ có màu đen,...	- Mặt trời nhô cao cho trẻ nhìn. - Màu sắc và cây cỏ lá hoa... - Chim... - Sông, biển... - Đám mây... - Con đường... - Mẹ, bà, bố... - Chũ, ghế, bàn, lớp trưởng và thầy giáo...							
hoang vu, tăm tối, buồn tẻ.	tươi sáng, đẹp đẽ, rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu,...							
- Khái quát được ý nghĩa của sự thay đổi: + Mỗi thay đổi trên thế giới đều bắt nguồn từ sự sinh ra của trẻ con. + Các sự vật, hiện tượng xuất hiện đều vì trẻ con, để nâng đỡ, nuôi dưỡng, góp phần giúp trẻ trưởng thành về cả thể chất và tâm hồn.								
2. Tìm hiểu về những con người được sinh ra để đem đến tình yêu thương cho trẻ 2.1. Mẹ và tình yêu thương con sâu sắc - Hướng dẫn HS thảo luận nhóm, tìm hiểu về món quà chỉ có mẹ mới mang đến cho trẻ.	- Đọc câu hỏi 3, SGK tr.43, đọc khổ thơ 3. - Thảo luận nhóm 4 và hoàn thành <i>Phiếu học tập số 2</i>. - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung ý kiến.	- Chỉ ra được món quà tình cảm chỉ có mẹ mới mang đến cho trẻ chính là tình yêu của mẹ. Biểu hiện: sự chăm sóc ân cần, hát ru con,... - Nêu được ý nghĩa lời hát ru của mẹ (<i>lưu ý: điệp từ và những hình ảnh ẩn dụ</i>): + Về cái bóng (ca dao): nhắc em ngoan ngoãn, hiếu thảo, biết yêu thương và giúp đỡ cha mẹ.						

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. Món quà tình cảm nào chỉ có mẹ mới mang đến cho trẻ?	
2. Tình yêu của mẹ biểu hiện như thế nào?	
3. Lời ru của mẹ nhắc nhở con những điều gì?	
4. Ý nghĩa những lời hát ru của mẹ là gì?	

+ Về cánh cò (ca dao): nhắc em về người nông dân vất vả, tuy hoàn cảnh lam lũ, cực nhọc nhưng vẫn giữ tấm lòng trong sạch.

+ Vị gừng cay (ca dao): nhắc nhở tình nghĩa thủy chung,...

→ Lời ru của mẹ chứa đựng những lời nhắn nhủ ân cần về cách sống đẹp: biết yêu thương, chia sẻ, nhân ái, thủy chung. Lời ru đó như dòng sữa ngọt lành nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ.

*Ta đi trọn kiếp con người
Vẫn không đi hết những lời mẹ ru.*
(Nguyễn Duy)

2.2. Bà và những câu chuyện cổ

– Hướng dẫn HS thảo luận về những câu chuyện cổ tích của bà và bài học cho trẻ.
– Nhận xét, thống nhất nội dung.

– HS đọc câu hỏi 3, SGK tr.43 thảo luận nhóm 4, hoàn thành *Phiếu học tập* số 3.

– Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.

– Trình bày được các nội dung trong phiếu học tập:

Tên truyện bà kể	Những điều bà gửi gắm
<i>Tấm Cám Thạch Sanh</i>	Ước mơ về lẽ công bằng, người ở hiền sẽ gặp lành, ở ác sẽ bị quả báo.
<i>Cóc kiện trời</i>	Đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh.
<i>Nàng tiên Ốc Ba cô tiên</i>	Lạc quan, tin tưởng vào những điều tốt đẹp.
<i>Bài học, ý nghĩa từ những câu chuyện cổ tích</i>	– Bài học về triết lí cuộc sống, ở hiền gặp lành. – Ý nghĩa: Là suối nguồn trong trẻo bồi đắp tâm hồn trẻ thơ.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Tên truyện bà kể	Những điều bà gửi gắm
.....	
.....	
Bài học từ những câu chuyện cổ tích	

2.3. <i>Bố và những điều dạy cho trẻ</i> – Hướng dẫn HS làm việc cá nhân, tìm hiểu về hình ảnh bố, đối chiếu tình cảm bố dành cho trẻ với bà và mẹ để tìm ra nét riêng. – Nhận xét và thống nhất nội dung.	– Đọc câu hỏi 5, SGK tr.43, đọc khổ thơ thứ 5 và thực hiện các yêu cầu: + Tìm từ ngữ, hình ảnh nói về bố. + Chỉ ra nét riêng trong tình cảm của bố dành cho trẻ (khác so với mẹ và bà). – HS phát biểu, nhận xét, bổ sung ý kiến.	– Chỉ ra được các từ ngữ, hình ảnh nói về bố: + <i>Bố bảo cho biết ngoan.</i> + <i>Bố dạy cho biết nghĩ: con đường dài, núi xanh và xa, trái đất tròn,...</i> – Chỉ ra được nét riêng trong tình cảm của bố: <table><tr><th>Mẹ và bà</th><th>Bố</th></tr><tr><td>Yêu thương trẻ, chăm sóc ân cần, hát ru và kể chuyện cổ.</td><td>Truyền dạy tri thức về thiên nhiên, cuộc sống.</td></tr><tr><td>Nuôi dưỡng trái tim ấm áp, yêu thương, đem đến những bài học cuộc sống cho trẻ.</td><td>Giúp trẻ hiểu biết về thế giới, trưởng thành về trí tuệ.</td></tr></table>	Mẹ và bà	Bố	Yêu thương trẻ, chăm sóc ân cần, hát ru và kể chuyện cổ.	Truyền dạy tri thức về thiên nhiên, cuộc sống.	Nuôi dưỡng trái tim ấm áp, yêu thương, đem đến những bài học cuộc sống cho trẻ.	Giúp trẻ hiểu biết về thế giới, trưởng thành về trí tuệ.
Mẹ và bà	Bố							
Yêu thương trẻ, chăm sóc ân cần, hát ru và kể chuyện cổ.	Truyền dạy tri thức về thiên nhiên, cuộc sống.							
Nuôi dưỡng trái tim ấm áp, yêu thương, đem đến những bài học cuộc sống cho trẻ.	Giúp trẻ hiểu biết về thế giới, trưởng thành về trí tuệ.							
2.4. <i>Hình ảnh trường lớp và thầy giáo sinh ra cho trẻ học tập</i> – Hướng dẫn HS nhận xét hình ảnh thơ trong khổ cuối. – Cho HS chia sẻ cảm nhận của cá nhân về 2 câu thơ cuối.	– Đọc câu hỏi 6, SGK tr.43 và đọc khổ cuối. – Nhận xét các hình ảnh xuất hiện trong khổ thơ. – HS chia sẻ cảm nhận. Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.	– Nêu được nhận xét về những hình ảnh rất đối thân thương, bình dị lần lượt xuất hiện trong khổ thơ cuối (<i>chữ – ghế – bàn – lớp học – bảng viết – thầy giáo</i>). Hình ảnh mái trường hiện lên gần gũi, thân quen. Thầy giáo cùng với những phương tiện dạy học đơn sơ mang đến cho trẻ những bài học về đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng những ước mơ giúp trẻ trưởng thành. – Chia sẻ được cảm nhận riêng của cá nhân về câu thơ cuối: <i>Chuyện loài người trước nhất là chuyện yêu thương, chăm sóc, giáo dục và dành những điều tốt nhất cho trẻ thơ.</i>						

3. Tìm hiểu ý nghĩa nhan đề bài thơ – Hướng dẫn HS tìm hiểu ý nghĩa tên bài thơ. – Cho HS chỉ ra vai trò của yếu tố tự sự trong thơ.	– Đọc câu hỏi 7, SGK tr.43. – HS suy nghĩ, nêu ý nghĩa tên bài thơ. – HS nêu vai trò của cách khai thác yếu tố tự sự trong bài thơ.	– Nêu được tên bài thơ gợi liên tưởng đến những câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện của loài người; giải thích nguồn gốc loài người mang màu sắc hoang đường, kì ảo. – Chỉ ra được bài thơ thể hiện tình cảm yêu thương dành cho trẻ thơ và yếu tố tự sự được sử dụng làm phương tiện biểu đạt tình cảm đó.				
4. Rút ra thông điệp của bài thơ – Hướng dẫn HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi 8, SGK tr.43. – Nhận xét và chốt nội dung.	– Đọc câu hỏi 8, SGK tr.43. – Thảo luận nhóm 4 và hoàn thành <i>Phiếu học tập số 4</i>. – Đại diện nhóm trình bày. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	– Trình bày được các nội dung sau: Ý 1: <i>So sánh</i> + Giống: yếu tố hoang đường, kì ảo. + Khác: vận dụng cách nói ngược trong ca dao, kể trẻ con được sinh ra trước nhất (<i>Sinh con rồi mới sinh cha/ Sinh cháu trong nhà rồi mới sinh ông</i>). Cách kể mang nét độc đáo của lời tâm tình từ trái tim người mẹ yêu con. Ý 2: <i>Thông điệp</i> + <i>Lời khẳng định</i>: Vạn vật trên trái đất sinh ra là vì trẻ em. Những người thân trong gia đình được sinh ra là để yêu thương, che chở, nuôi dạy trẻ em khôn lớn, trưởng thành. + <i>Lời nhắn gửi tới trẻ em</i>: Hãy yêu thương những người thân trong gia đình, thể hiện qua lời nói, việc làm cụ thể hằng ngày.				
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 <table><tr><td>1. Cách kể của Xuân Quỳnh có gì giống và khác so với những câu chuyện kể về nguồn gốc loài người mà em biết?</td><td>.....</td></tr><tr><td>2. Sự khác biệt đó thể hiện thông điệp gì?</td><td>.....</td></tr></table>			1. Cách kể của Xuân Quỳnh có gì giống và khác so với những câu chuyện kể về nguồn gốc loài người mà em biết?		2. Sự khác biệt đó thể hiện thông điệp gì?	
1. Cách kể của Xuân Quỳnh có gì giống và khác so với những câu chuyện kể về nguồn gốc loài người mà em biết?						
2. Sự khác biệt đó thể hiện thông điệp gì?						

		Hãy biết ơn thầy cô và mái trường, nơi mình đã học tập và trưởng thành. + <i>Lời nhắn gửi tới các bậc cha mẹ:</i> Hãy yêu thương, chăm sóc và dành cho trẻ những điều tốt đẹp nhất vì trẻ em là tương lai của gia đình, đất nước.
--	--	--

HOẠT ĐỘNG 5: Viết kết nối với đọc

Mục tiêu:

- Biết cách triển khai ý trong đoạn văn.
- Viết được đoạn văn bày tỏ cảm xúc về một đoạn thơ yêu thích.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập						
1. Viết đoạn văn – Hướng dẫn HS xác định đoạn thơ yêu thích. – Hướng dẫn HS viết đoạn văn. 2. Đọc bài và nhận xét, đánh giá – Cho HS đọc bài viết. – Nhận xét, đánh giá bài viết của HS.	– HS đọc đề bài, SGK tr.43. – Xác định đoạn thơ yêu thích: + Nội dung chính. + Yếu tố nghệ thuật nổi bật (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật,...). + Cảm xúc của em khi đọc đoạn thơ đó. – Trao đổi về cách viết đoạn văn. – Thực hành viết. – Trình bày bài viết. – Nhận xét, bổ sung.	– Viết được đoạn văn đúng yêu cầu: + Hình thức: Đoạn văn 5 – 7 câu. + Nội dung: Câu mở đầu: giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả, nội dung đoạn thơ, cảm xúc chung của em. Các câu tiếp: thể hiện cảm xúc đối với các khía cạnh nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ. – Đánh giá được đoạn văn đã viết theo tiêu chí: Tiêu chí đánh giá <table> <tr> <td>1</td><td>Độ dài đoạn văn</td><td>1.0đ</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Viết đúng câu mở đầu</td><td>1.0đ</td></tr> </table>	1	Độ dài đoạn văn	1.0đ	2	Viết đúng câu mở đầu	1.0đ
1	Độ dài đoạn văn	1.0đ						
2	Viết đúng câu mở đầu	1.0đ						

		3	Thể hiện cảm xúc đối với nội dung đoạn thơ	4.0đ
		4	Những nhận xét, đánh giá về nghệ thuật đoạn thơ	2.0đ
		5	Diễn đạt mạch lạc, chặt chẽ	2.0đ